

Số: 33 /BC-THPTThP

Hải Phòng, ngày 28 tháng 5 năm 2025

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2025
CÔNG KHAI CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO, CÁC ĐIỀU
KIỆN ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG VÀ THU- CHI TÀI CHÍNH
(Theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024
của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ Công văn số 2941/SGDDĐT-KTKĐ ngày 24/9/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo Hải Phòng về việc hướng dẫn thực hiện Quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.

Trường THPT Thái Phiên đã thực hiện nghiêm túc các nội dung theo yêu cầu và báo cáo kết quả thực hiện công tác công khai như sau:

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở giáo dục: Trường trung học phổ thông Thái Phiên.

2. Địa chỉ:

- Số 258 phố Đà Nẵng, phường Cầu Tre, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng.
- Số điện thoại: 0225.3564592
- Địa chỉ thư điện tử: thpt-thaiphien@haiphong.edu.vn
- Cổng thông tin điện tử: <https://thptthaiphien.haiphong.edu.vn>.

3. Loại hình: Trường THPT công lập thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo Hải Phòng.

4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của nhà trường

Sứ mạng: Trường THPT Thái Phiên phấn đấu trở thành một môi trường giáo dục Thân thiện, Kỷ cương và Hiệu quả. Hướng tới mục tiêu đào tạo **“PHÁT HUY NĂNG LỰC - PHẨM CHẤT CỦA NGƯỜI HỌC VÀ RÈN LUYỆN NĂNG LỰC HỌC TẬP TOÀN CẦU CHO HỌC SINH”**.

- Xây dựng trường chuẩn Quốc gia.



- Xây dựng đội ngũ nhà giáo có phẩm chất chính trị vững vàng, tâm huyết, sáng tạo, có trình độ chuyên môn cao.

- Tạo dựng được môi trường học tập và rèn luyện có nền nếp, kỷ cương có chất lượng giáo dục cao, để mỗi học sinh đều có cơ hội phát triển tối đa năng lực của bản thân.

Tầm nhìn:

- Thực hiện chương trình giáo dục nhà trường: cân bằng giữa dạy người, dạy chữ và dạy nghề; phát triển phẩm chất, năng lực và kỹ năng của người học.

- Xây dựng cơ sở vật chất hiện đại, đáp ứng công cuộc đổi mới giáo dục và thực hiện chương trình giáo dục phổ thông mới.

- Thực hiện việc chuyển đổi số trong giáo dục, đẩy mạnh việc ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, giảng dạy và học tập.

- Tăng cường công tác xã hội hóa giáo dục, hợp tác và hội nhập. Nâng cao hiệu quả công tác phối hợp giữa gia đình, nhà trường và xã hội.

Mục tiêu:

- Phần đầu có nhiều học sinh được thành phố vinh danh biểu dương.

- Giữ vững vị thế là một trong những trường top đầu của thành phố Hải Phòng về chất lượng đào tạo.

- Giá trị cốt lõi mà nhà trường hướng tới: nhân ái và sâu sắc, tự tin học tập với tinh thần tích cực, hội nhập với niềm tự hào và khát vọng đẹp.

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của nhà trường

Được thành lập ngày 07/11/1960, trường THPT Thái Phiên vinh dự là đứa con đầu lòng của ngành giáo dục Hải Phòng thời kỳ xây dựng chủ nghĩa xã hội. Trường mang tên Thái Phiên – người con anh hùng, yêu nước đất Quảng Nam đầu thế kỉ XX. Tên gọi Thái Phiên vừa tiêu biểu cho tinh thần yêu nước của dân tộc vừa tiêu biểu cho mối tình kết nghĩa giữa thành phố Hải Phòng và thành phố Đà Nẵng.

Trải qua chặng đường 65 năm xây dựng, đổi mới và phát triển, trường THPT Thái Phiên đã kế thừa những truyền thống vẻ vang của các thế hệ đi trước, thầy và trò nhà trường luôn đồng lòng vượt khó, xây dựng được nhiều thành tích, tạo dựng nên những trang vàng truyền thống Thái Phiên. Nhà trường vinh dự được Nhà nước trao tặng 04 Huân chương Lao động, 02 Huân chương Độc lập, nhiều Cờ thi đua của Chính phủ, Bằng khen, Giấy khen các cấp. Các thầy giáo, cô giáo của nhà trường cũng nhận được nhiều Huân chương, bằng khen, giấy khen của các ban ngành. Các em học sinh cũng đạt được nhiều giải học sinh giỏi quốc tế, quốc gia và thành phố ở các môn học văn hóa và thể dục thể thao.

Diện tích đất nhà trường hiện nay: 16.706.1 m² (trong đó bao gồm: 04 dãy nhà lớp học A, B, C, D; khu nhà 4 tầng bao gồm hội trường và các phòng học bộ

môn Tin học, Vật lí, Hóa học, Sinh học, Công nghệ; khu nhà hiệu bộ gồm phòng làm việc của bộ phận hành chính, các tổ chuyên môn, thư viện, phòng truyền thống; nhà thi đấu; nhà xe học sinh; nhà xe giáo viên; khu vệ sinh của học sinh).

Đội ngũ cán bộ giáo viên nhân viên nhà trường hiện nay 100% có trình độ đào tạo đạt chuẩn, trong đó tỷ lệ trên chuẩn khá cao (62%) so với mặt bằng chung của các trường THPT trong thành phố. Đội ngũ Ban Giám hiệu nhà trường hiện nay có kinh nghiệm trong công tác quản lý giáo dục, tâm huyết với nghề, đoàn kết thống nhất cao trong lãnh đạo và quản lý nhà trường, có ý thức chính trị, phẩm chất đạo đức tốt, có trình độ chuyên môn sư phạm cao. Đội ngũ cán bộ, giáo viên nhà trường có nhiều giáo viên có bề dày kinh nghiệm, đã và đang là cốt cán, cộng tác viên thanh tra của Sở Giáo dục và Đào tạo.

6. Thông tin người phát ngôn:

- Ông Hoàng Anh Tuấn - Hiệu trưởng.
- Địa chỉ làm việc: Số 258, phố Đà Nẵng, phường Cầu Tre, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng.
- Số điện thoại: 0913.628.179
- Địa chỉ thư điện tử: tuantoan@thaiphien.edu.vn

7. Tổ chức bộ máy

a) Quyết định thành lập:

Quyết định số 2252/2006/QĐ-UBND ngày 12/10/2006 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố Hải Phòng ban hành kèm theo Danh sách các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố Hải Phòng trong đó có tên trường THPT Thái Phiên.

b) Quyết định công nhận Hội đồng trường:

- Chủ tịch Hội đồng trường: Ông Hoàng Anh Tuấn.

Các thành viên:

1. Ông Nguyễn Phú Cường – Phó hiệu trưởng.
2. Bà Vương Lệ Thủy – Phó hiệu trưởng.
3. Bà Lê Thị Thùy Liên – Thư ký hội đồng trường.

c) Quyết định điều động, bổ nhiệm công nhận Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng:

- Quyết định số 886/QĐ-SGDĐT ngày 19/02/2025 của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo Hải Phòng về việc bổ nhiệm lại Hiệu trưởng Trường THPT Thái Phiên đối với ông Hoàng Anh Tuấn với thời hạn giữ chức vụ tối đa 05 năm, kể từ ngày 20/02/2025.

- Quyết định số 1519/QĐ-SGDĐT-TCCB ngày 02/11/2020 của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo Hải Phòng về việc bổ nhiệm Phó Hiệu trưởng Trường THPT Thái Phiên đối với ông Nguyễn Phú Cường với thời hạn giữ chức vụ tối đa 05 năm, kể từ ngày 04/11/2020.

- Quyết định số 19/QĐ-SGDĐT-TCCB ngày 30/05/2023 của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo Hải Phòng điều động và bổ nhiệm Phó Hiệu trưởng Trường THPT Thái Phiên đối với bà Vương Lệ Thủy với thời hạn giữ chức vụ tối đa 05 năm, kể từ ngày 01/06/2023.

d) Sơ đồ bộ máy tổ chức nhà trường:

* Ban Giám hiệu:

- Hiệu trưởng;
- Các Phó Hiệu trưởng.

* Các tổ chức trong nhà trường:

- Hội đồng trường;
- Công đoàn;
- Đoàn TNCS Hồ Chí Minh;
- Hội cha mẹ học sinh.

* Các tổ chuyên môn:

- Tổ Toán – Tin;
- Tổ Ngoại ngữ – Văn phòng;
- Tổ Lý – Công nghệ;
- Tổ Hóa – Sinh;
- Tổ Văn – Sử;
- Tổ Thể dục – Quốc phòng;
- Tổ Địa – GDKTPL – Nghệ thuật.

* Các bộ phận hỗ trợ:

- Văn phòng (kế toán, văn thư, thủ quỹ, y tế, thiết bị - thư viện);
- Bảo vệ, phục vụ.

* Học sinh:

- Khối 10: 15 lớp;
- Khối 11: 15 lớp;
- Khối 12: 15 lớp;

8. Các văn bản khác của nhà trường

Chiến lược phát triển của cơ sở giáo dục:

- Xây dựng và củng cố danh hiệu trường chuẩn quốc gia, có uy tín về chất lượng giáo dục, là mô hình giáo dục tiên tiến phù hợp với xu thế phát triển của đất nước và thời đại.

- Giáo dục và giảng dạy cho học sinh nắm được kiến thức, kỹ năng cơ bản của tất cả các môn học phổ thông; biết cách giải quyết các vấn đề một cách độc lập, sáng tạo; biết cách học và tự học; có ý thức tự giác, thật thà, thân thiện, hoà nhập và chia sẻ; có phong cách và lối sống đẹp phù hợp với truyền thống dân tộc và hiện đại.

- Nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục toàn diện, đặc biệt là chất lượng giáo dục đạo đức và chất lượng văn hoá. Đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra, đánh giá học sinh phù hợp với mục tiêu, nội dung chương trình và đối tượng học sinh. Đổi mới các hoạt động giáo dục, hoạt động tập thể, gắn học với hành, lý thuyết với thực tiễn; giúp học sinh có được những kỹ năng sống cơ bản.

- Sử dụng linh hoạt các phương pháp dạy học theo hướng phát huy tính tích cực, chủ động học tập của học sinh. Các phương pháp dạy học kết hợp các phương pháp dạy học truyền thống với các phương pháp dạy học hiện đại như ứng dụng công nghệ thông tin và các phương tiện hỗ trợ giảng dạy hiện đại. Các phương pháp mới như:

- 1- Khảo sát, điều tra;
- 2- Thảo luận: thảo luận nhóm, thảo luận nhóm ghép đôi, thảo luận chung toàn lớp;
- 3- Tư duy;
- 4- Tranh luận;
- 5- Báo cáo (chuẩn bị báo cáo, xây dựng báo cáo, thuyết trình trước tập thể lớp,...);
- 6- Phương pháp dạy học theo dự án;
- 7- Phương pháp dạy học tổ chức trò chơi;
- 8- Phương pháp dạy học đóng vai;
- 9- Phương pháp nghiên cứu khoa học.

- Sử dụng Phương tiện dạy học theo hướng đề cao vai trò chủ thể nhận thức của học sinh. Phương tiện dạy học và Phương pháp dạy học có sự thống nhất hữu cơ với nhau, hoà vào nhau ở một số khía cạnh nào đó. Phương tiện dạy học là hình ảnh kép của Phương pháp dạy học. Bên cạnh các phương tiện dạy học truyền thống như tranh ảnh, hình vẽ, bản đồ, sơ đồ, sách giáo khoa, các tài liệu tham khảo, mô hình, hiện vật,... là những thiết bị kỹ thuật hiện đại trong dạy học như: phim video giáo khoa, máy chiếu Overhead, máy vi tính, Projector,...

- Phối hợp các hình thức dạy học một cách linh hoạt: Dạy học trong lớp như dạy học cá nhân, dạy học theo nhóm, dạy học theo lớp; dạy học ngoài lớp như tham quan, khảo sát, ngoại khoá...

- Đổi mới kiểm tra, đánh giá theo hướng phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của học sinh, thúc đẩy đổi mới phương pháp dạy học; bám chuẩn kiến thức, kỹ năng. Đánh giá sự phát triển năng lực của học sinh qua nhà trường, thông qua cha mẹ học sinh và sự tự đánh giá lẫn nhau của học sinh.

- Tích cực bồi dưỡng học sinh khá, giỏi; phụ đạo học sinh yếu; ôn tập, chuẩn bị kiến thức cho học sinh tham dự thi tốt nghiệp THPT chu đáo, đạt hiệu quả cao.

- Người phụ trách: Hiệu trưởng, các Phó Hiệu trưởng, tổ trưởng chuyên môn, giáo viên bộ môn.

- Tăng cường công tác giáo dục chính trị tư tưởng, đạo đức, lối sống nhằm không ngừng nâng cao phẩm chất đội ngũ giáo viên, cán bộ, nhân viên.

- Trong điều kiện cho phép sẽ tuyển bổ sung đội ngũ giáo viên, cán bộ, nhân viên đảm bảo chất lượng tốt, có trình độ chuyên môn đạt chuẩn và trên chuẩn đào tạo.

- Hàng năm xây dựng và thực hiện tốt kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ nhằm nâng cao tay nghề, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, đáp ứng tốt hơn yêu cầu nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện trong nhà trường. Chú trọng đào tạo nâng chuẩn; mở các lớp bồi dưỡng tại đơn vị và khuyến khích giáo viên tự học, tự bồi dưỡng.

- Tổ chức thi Giáo viên dạy giỏi, Giáo viên chủ nhiệm giỏi cấp trường. Tích cực tham gia các hội thi cấp cụm trường và thành phố; tích cực giao lưu học hỏi các đơn vị điển hình trong và ngoài thành phố,... nhằm nâng cao trình độ chuyên môn, phẩm chất chính trị, đạo đức cho đội ngũ cán bộ, giáo viên.

- Làm tốt công tác quy hoạch cán bộ, phân công sắp xếp đúng người, đúng việc, đúng năng lực sở trường; tập trung ưu tiên bồi dưỡng đội ngũ cán bộ trẻ.

- Xây dựng nhà trường đạt chuẩn cơ quan văn hoá, thực hiện tốt Quy chế dân chủ trong nhà trường, chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho cán bộ, giáo viên, nhân viên.

Quy chế dân chủ ở cơ sở:

Nhà giáo cán bộ, viên chức, người lao động trong nhà trường có trách nhiệm:

- Thực hiện những quy định về trách nhiệm của nhà trường, nhà giáo, cán bộ, công chức, viên chức.

- Thực hiện chế độ hội họp theo đúng định kỳ, tổ chức hội nghị cán bộ, viên chức, người lao động hàng năm.

- Thực hiện chế độ công khai tài chính theo quy định của nhà nước; công khai các quyền lợi, chế độ, chính sách và việc đánh giá định kỳ đối với nhà giáo, cán bộ, viên chức, người lao động.

- Thực hiện nghiêm túc nguyên tắc tập trung dân chủ trong quản lý nhà trường; phối hợp chặt chẽ với các tổ chức, đoàn thể, các cá nhân trong nhà trường, phát huy dân chủ trong tổ chức hoạt động của nhà trường.

- Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn của nhà giáo theo quy định của Luật Giáo dục.

- Kiên quyết đấu tranh chống những hiện tượng bè phái, mất đoàn kết, cửa quyền, quan liêu và những hoạt động khác vi phạm dân chủ, kỷ cương, nề nếp trong nhà trường.

- Thực hiện đúng những quy định trong Luật Viên chức; Pháp lệnh phòng chống tham nhũng; Pháp lệnh thực hành tiết kiệm.

- Giữ gìn phẩm chất, uy tín, danh dự của nhà giáo, cán bộ, công chức; tôn trọng đồng nghiệp và học sinh; bảo vệ uy tín của nhà trường.

- Nhà giáo, cán bộ, viên chức được biết, tham gia ý kiến, giám sát kiểm tra thông qua hình thức dân chủ trực tiếp hoặc thông qua các tổ chức, đoàn thể trong nhà trường:

- Những chủ trương, chính sách, chế độ của Đảng và Nhà nước đối với nhà giáo, cán bộ, viên chức.

- Những quy định về sử dụng tài sản, xây dựng cơ sở vật chất của nhà trường.

- Việc giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo theo quy định của Luật Khiếu nại, tố cáo.

- Công khai các khoản đóng góp của học sinh, việc sử dụng kinh phí và chấp hành chế độ thu, chi, quyết toán theo quy định hiện hành.

- Giải quyết các chế độ, quyền lợi, đời sống vật chất, tinh thần cho nhà giáo, cán bộ, viên chức, người lao động

- Việc thực hiện thăng hạng viên chức, nâng bậc lương, chuyển chuyên, điều động, đề bạt, khen thưởng, kỷ luật.

- Những vấn đề về tuyển sinh.

- Báo cáo sơ kết, tổng kết, nhận xét, đánh giá viên chức hàng năm.

Một số nguyên tắc cơ bản khi phân công:

- Đảm bảo tính khoa học, phân công theo đúng chuyên môn được đào tạo.

- Đảm bảo tính vừa sức, đồng đều, công bằng.

- Việc phân công phải xuất phát từ yêu cầu đảm bảo chất lượng giáo dục và quan tâm đến hoàn cảnh, nguyện vọng của cán bộ, giáo viên, nhân viên.

- Có chiến lược xây dựng đội ngũ về số lượng, chất lượng, cơ cấu phù hợp và có tính ổn định tương đối.

- Tin tưởng vào khả năng vươn lên của mỗi người, tránh định kiến thành kiến.

- Đảm bảo nguyên tắc tập trung, dân chủ, có quy trình phù hợp.

Chính sách thu hút, phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục:

- Trong những năm gần đây, Chính phủ đã quan tâm nâng mức thu nhập cho giáo viên như: phụ cấp ưu đãi, phụ cấp thâm niên nghề, mở rộng tiêu chuẩn, tiêu chí nâng lương trước thời hạn cho giáo viên, nhân viên,... điều đó đã góp phần nâng cao đời sống của giáo viên nhưng thực tế lương nhà giáo chưa đúng với chủ trương của Đảng nêu tại Nghị quyết TW 2 khóa VIII và Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 của Hội nghị Trung ương 8 khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo và cũng chưa thực sự đảm bảo được đời sống so với biến động về giá hàng hóa và tình hình kinh tế xã hội hiện nay.

- Nâng cao đời sống đối với đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục, qua đó thu hút giáo viên có chuyên môn tốt về trường và tạo động lực cho giáo viên trong trường tập trung, say mê chuyên môn, cống hiến chất xám vào công việc.

- Đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị dạy học để giáo viên cũng như học sinh có điều kiện áp dụng các phương pháp dạy, học hiện đại gắn với nhu cầu phát triển phẩm chất, năng lực người học.

- Tổ chức và tìm hướng đi phù hợp cho hoạt động bồi dưỡng giáo viên theo hướng bồi dưỡng trúng những nội dung, kỹ năng mà giáo viên đang cần.

Kế hoạch và thông báo tuyển dụng của nhà trường:

Trước mỗi năm học, nhà trường xây dựng kế hoạch tuyển dụng đối với những bộ môn còn thiếu, dự báo nhu cầu tuyển dụng để chủ động công tác nhân sự.

9. Công khai thu, chi tài chính

9.1. Các khoản thu và mức thu

- Học phí: 125.000 đồng/tháng/học sinh (được thành phố hỗ trợ).
- Gửi xe (theo nhu cầu và nguyện vọng của học sinh), cụ thể:
 - + Xe đạp: 30.000 đồng/tháng/xe;
 - + Xe máy, điện: 50.000 đồng/tháng/xe.
- Nước uống cho học sinh: 10.000 đồng/tháng/học sinh.

9.2. Các khoản thu hộ

- Bảo hiểm y tế: Khối 10,11: 884.520 đồng/năm/học sinh, Khối 12: 663.390 đồng/năm/học sinh.

- Kinh phí hoạt động của Ban đại diện CMHS nhà trường được trích từ kinh phí hoạt động của Ban đại diện CMHS các lớp trên tinh thần tự nguyện, không cào bằng, không vận động với những gia đình có hoàn cảnh khó khăn.

9.3. Kết quả tài chính năm học 2024-2025

TT	Chỉ tiêu	Số liệu báo cáo quyết toán
I	Số dư đầu năm học 2024-2025	6.048.153.624
1	Nguồn Ngân sách	5.339.362.541
2	Học phí	677.507.314
3	Học thêm	31.283.873
4	Xe đạp	3.868.769
	Quyết toán thu	41.581.051.324
	Ngân sách nhà nước cấp	31.918.331.324
1.1	Kinh phí chi thường xuyên	20.154.000.000
2	Thu hoạt động SXKD, dịch vụ	9.662.720.000
2.1	Học phí	2.324.000.000
2.2	Học thêm	6.484.740.000
2.3	Dịch vụ Coi xe	674.840.000
II	Số thu nộp NSNN	197.178.800
1	Phí, lệ phí	0
2	Hoạt động SX, cung ứng dịch vụ	197.178.800
2.1	Nộp thuế GTGT, TNDN dịch vụ coi xe	67.484.000
2.2	Nộp thuế TNDN nguồn học thêm	129.694.800
III	Số được để lại chi theo chế độ	9.286.401.200
1	Thu phí, lệ phí	0
2	Thu hoạt động SXKD, dịch vụ	9.286.401.200
2.1	Học phí	2.324.000.000
2.2	Học thêm	6.355.045.200
2.3	Dịch vụ Coi xe	607.356.000
B	Quyết toán chi	31.436.239.872
1	Nguồn KP chi thường xuyên	20.529.819.470
1.1	Chi lương và phụ cấp	19.117.629.583
1.2	Chi nghiệp vụ chuyên môn	469.341.320
1.3	Chi dịch vụ công cộng	646.197.987
1.4	Chi tăng cường CSVC, sửa chữa nhỏ	262.293.580
1.5	Chi khác	34.357.0000
2	Học phí	2.394.295.399

TT	Chỉ tiêu	Số liệu báo cáo quyết toán
2.1	Chi lương và phụ cấp, thuê mướn lao động	1.592.737.312
2.2	Chi khen thưởng	6.900.000
2.3	Chi các hoạt động chuyên môn	372.090.185
2.4	Chi mua sắm, sửa chữa TS	177.116.950
2.5	Chi thừa giờ	249.014.122
3	Học thêm	6.337.950.873
3.1	Chi quản lý, giảng dạy, GVCN	5.058.097.200
3.2	Chi phúc lợi	196.620.000
3.3	Nộp thuế TNDN	129.694.800
3.4	Chi sửa chữa, CSVC	535.337.200
3.5	Hỗ trợ công tác công đoàn, Đảng	32.205.673
3.6	Trích 40% cải cách tiền lương	395.996.000
4	Xe đạp	535.355.000
4.1	Chi trả tiền công hợp đồng	367.500.000
4.2	Chi sửa chữa, CSVC nhà xe	100.371.000
4.3	Nộp thuế GTGT, TNDN	67.484.000
5	Thu hộ - chi hộ	1.638.819.130
5.1	Nước uống học sinh	179.140.000
5.2	Bảo hiểm y tế	1.459.679.130

Số dư các nguồn kinh phí tính đến hết tháng 6/2025:

Stt	Nguồn kinh phí	Số tiền được cấp	Số dư đến hết T6
1	Nguồn kinh phí thường xuyên	11.698.000.000	6.963.543.071
2	Nguồn kinh phí không thường xuyên	2.489.050.000	1.114.900.334
3	Học phí		607.211.915
4	Học thêm		178.073.000
5	Xe đạp		143.353.769

[illegible]

4	Nhân viên y tế	1				1								
5	Thư viện	0												
6	Thiết bị, thí nghiệm	1			1									
7	Hỗ trợ giáo dục người khuyết tật	0												
8	Quản trị công sở	0												

Số lượng, tỷ lệ giáo viên cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành bồi dưỡng hàng năm theo quy định: 100% cán bộ giáo viên, nhân viên.

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

a. Diện tích khu đất xây dựng trường: 16.706,1 m², địa chỉ: số 258 phố Đà Nẵng, phường Cầu Tre, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng. Diện tích bình quân tối thiểu cho 1 học sinh là 8,09 m² (đạt yêu cầu tối thiểu theo quy định).

b. Số lượng, hạng mục khối phòng hành chính, khối phòng học tập, khối phòng hỗ trợ học tập, khu sân chơi, hạ tầng kỹ thuật: (đôi chiếu với yêu cầu tối thiểu theo quy định)

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học	57	1,34 m ² /học sinh
II	Loại phòng học		
1	Phòng học kiên cố	48	
2	Phòng học bán kiên cố	0	
3	Phòng học tạm	0	
4	Phòng học nhờ	0	
5	Số phòng học bộ môn	09	
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)	0	
7	Bình quân lớp/phòng học		0,94 lớp/phòng
8	Bình quân học sinh/lớp		45,87 hs/lớp
III	Số điểm trường	1	
IV	Tổng số diện tích đất (m²)	16.706,1 m²	8,09 m²/học sinh
V	Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m²)	3321 m²	1,61 m²/học sinh
VI	Tổng diện tích các phòng		
1	Diện tích phòng học (m ²)	2.130 m ²	1,03 m ² /học sinh

2	Diện tích phòng học bộ môn (m ²)	630 m ²	0,31 m ² /học sinh
3	Diện tích thư viện (m ²)	145 m ²	0,07 m ² /học sinh
4	Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m ²)	468 m ²	0,23 m ² /học sinh
5	Diện tích phòng hoạt động Đoàn, phòng truyền thống (m ²)	310 m ²	0,15 m ² /học sinh
VII	Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	120	0.66 học sinh/bộ/
VIII	Tổng số thiết bị dùng chung khác		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	12	
2	Cát xét (dùng cho giáo viên Ngoại ngữ)	8	
3	Đầu Video/đầu đĩa	0	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	52	1,18 thiết bị/lớp
5	Thiết bị khác: - Loa - Màn hình LED ở hội trường - Màn hình LED ngoài sân trường	45 12 m ² 28 m ²	01/lớp
IX	Nhà bếp	0	
X	Nhà ăn	0	
XI	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	0	
XII	Khu nội trú	0	

XIII	Nhà vệ sinh	Giáo viên nam		Giáo viên nữ		Học sinh nam		Học sinh nữ	
		Tổng số	Diện tích	Tổng số	Diện tích	Tổng số	Diện tích	Tổng số	Diện tích
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	02	25 m ²	03	46 m ²	03	79 m ²	03	87 m ²
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*	0		0		0		0	

(* Theo Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu - điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh).

STT	Nội dung	Có	Không
XIV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XV	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
XVI	Kết nối internet	x	
XVII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	x	

XVIII	Tường rào xây	x	
--------------	---------------	---	--

c. Danh mục sách giáo khoa sử dụng trong nhà trường:

TT	Tên sách	Tên bộ sách
I	Lớp 10	
1	Toán	Cánh diều
2	Ngữ Văn	Kết nối tri thức
3	Tiếng Anh	Global success
4	Vật lí	Chân trời sáng tạo
5	Hóa học	Chân trời sáng tạo
6	Sinh học	Cánh diều
7	Lịch sử	Cánh diều
8	Địa lí	Cánh diều
9	Giáo dục kinh tế và pháp luật	Kết nối tri thức
10	Tin học	Kết nối tri thức (KH máy tính)
11	Giáo dục Quốc phòng - An ninh	Cánh diều
12	Công nghệ công nghiệp	Cánh diều
13	Công nghệ nông nghiệp	Cánh diều
14	Giáo dục thể chất - Cầu lông	Kết nối tri thức
15	Giáo dục thể chất - Bóng chuyền	Kết nối tri thức
16	Giáo dục thể chất - Bóng rổ	Kết nối tri thức
17	Giáo dục thể chất - Đá cầu	Cánh diều
18	Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp	Chân trời sáng tạo 1
19	Mĩ thuật	Kết nối tri thức
20	Âm nhạc	Kết nối tri thức
II	Lớp 11	
1	Toán	Cánh diều
2	Ngữ Văn	Kết nối tri thức
3	Tiếng Anh	Global success
4	Vật lí	Chân trời sáng tạo
5	Hóa học	Kết nối tri thức
6	Sinh học	Cánh diều

7	Lịch sử	Cánh điều
8	Địa lí	Chân trời sáng tạo
9	Giáo dục kinh tế và pháp luật	Kết nối tri thức
10	Tin học	Kết nối tri thức (KH máy tính)
11	Giáo dục Quốc phòng - An ninh	Cánh điều
12	Công nghệ công nghiệp	Kết nối tri thức
13	Công nghệ nông nghiệp	Cánh điều
14	Giáo dục thể chất - Cầu lông	Kết nối tri thức
15	Giáo dục thể chất - Bóng chuyền	Kết nối tri thức
16	Giáo dục thể chất - Bóng rổ	Kết nối tri thức
17	Giáo dục thể chất - Đá cầu	Cánh điều
18	Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp	Chân trời sáng tạo 1
19	Mĩ thuật	Kết nối tri thức
20	Âm nhạc	Kết nối tri thức
III	Lớp 12	
1	Toán	Cánh điều
2	Ngữ Văn	Kết nối tri thức
3	Tiếng Anh	Global success
4	Vật lí	Chân trời sáng tạo
5	Hóa học	Kết nối tri thức
6	Sinh học	Cánh điều
7	Lịch sử	Kết nối tri thức
8	Địa lí	Cánh điều
9	Giáo dục kinh tế và pháp luật	Kết nối tri thức
10	Tin học	K Kết nối tri thức (KH máy tính)
11	Giáo dục Quốc phòng - An ninh	Cánh điều
12	Công nghệ công nghiệp	Cánh điều
13	Công nghệ nông nghiệp	Cánh điều
14	Giáo dục thể chất - Cầu lông	Kết nối tri thức
15	Giáo dục thể chất - Bóng chuyền	Kết nối tri thức
16	Giáo dục thể chất - Bóng rổ	Kết nối tri thức
17	Giáo dục thể chất - Đá cầu	Cánh điều

18	Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp	Chân trời sáng tạo 1
19	Mĩ thuật	Kết nối tri thức
20	Âm nhạc	Kết nối tri thức

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Kết quả đánh giá chuẩn chất lượng giáo dục: Cấp độ 03 theo Quyết định số 1288/QĐ-SGDĐT ngày 31/12/2014 của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo. Nhà trường đang tích cực đề nghị các ban ngành triển khai thực hiện dự án cải tạo, xây mới nhà trường trong năm học 2025-2026.

V. KẾT QUẢ CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

(Đánh giá học sinh theo Thông tư 22/2024/TT-BGDĐT ngày 20/07/2024)

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối		
			Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
I	Số học sinh chia theo kết quả rèn luyện	2064	694	685	685
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	99,37%	99,28%	99,42%	99,42%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	0,63%	0,72%	0,58%	0,58%
3	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0
4	Chưa đạt (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0
II	Số học sinh chia theo kết quả học tập	2063	693	685	685
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	93,12%	90,48%	93,14%	95,77%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	6,79%	9,38%	6,72%	4,23%
3	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	0,09%	0,14%	0,15%	0
4	Chưa đạt (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0
III	Tổng hợp kết quả cuối năm	2064	694	685	685
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	100%	100%	100%	100%
a	Học sinh xuất sắc (tỷ lệ so với tổng số)	54,02%	34,44%	52,41%	75,47%
b	Học sinh giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	39,49%	56,63%	40,15%	21,46%
2	Thi lại/ Học sinh kiểm tra, đánh giá lại các môn trong kỳ nghỉ hè (tỷ lệ so với tổng số)	0%	0%	0%	0%
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)	0%	0%	0%	0%
4	Chuyển trường đi (tỷ lệ so với tổng số)	0,34%	0	0,88%	0,15%
5	Chuyển trường đến (tỷ lệ so với tổng số)	0,67%	0,43%	1,60%	0%
6	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)	0%	0%	0%	0%
7	Bỏ học qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (tỷ lệ so với tổng số)	0%	0%	0%	0%

IV	Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi	186	30	59	97
1	Cấp quận	0	0	0	0
2	Cấp thành phố	169	12	31	126
3	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế	1	0	0	1
V	Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp	685	0	0	685
VI	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp	685			685
VII	Số học sinh nam/số học sinh nữ	900/ 1164	315/379	290/395	295/390
VIII	Số học sinh dân tộc thiểu số	14	3	4	7

* Chương trình của nước ngoài đang được thực hiện tại nhà trường: Không.

V. CÁCH THỨC CÔNG KHAI

1. Cách thức công khai

- Tổ chức công khai trong Hội đồng sư phạm bằng hình thức niêm yết thông báo.
- Công khai trên phạm vi toàn thể phụ huynh, nhân dân, cán bộ viên chức, học sinh bằng hình thức đăng tải trên trang thông tin điện tử của trường (website: <http://thptthaiphien.haiphong.edu.vn>) hoặc dán bảng thông tin chung trong toàn trường. Nhờ vậy phụ huynh và cán bộ, viên chức và học sinh của trường đều nắm rõ các nội dung thông báo để lựa chọn hình thức học tập phù hợp.

Qua công khai cam kết về chất lượng giáo dục và công khai minh bạch về chất lượng giáo dục thực tế, về điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục và về thu chi tài chính tại trường đã tạo điều kiện cho học sinh và xã hội có cơ sở đánh giá về kết quả thực hiện nhiệm vụ giáo dục của trường. Phụ huynh yên tâm khi đưa con đến trường, chất lượng giáo dục chuyển biến tốt, tạo dần thương hiệu của trường về chất lượng.

2. Thời điểm công khai

- Tiếp tục đăng tải công khai trên trang thông tin điện tử của trường và cập nhật khi khai giảng năm học mới và khi có thông tin mới hoặc thay đổi.
- Thời điểm công khai là tháng 6 hàng năm và cập nhật đầu năm học mới hoặc khi có thay đổi nội dung liên quan Thời gian thực hiện niêm yết công khai tại trường ít nhất 30 ngày liên tục kể từ ngày niêm yết, đảm bảo thuận tiện cho cha mẹ học sinh xem xét.
- Đối với học sinh tuyển mới: phổ biến hướng dẫn tuyển sinh và thông báo các điều kiện của nhà trường khi thực hiện tuyển sinh.
- Đối với học sinh đang học tại trường: tổ chức họp cha mẹ học sinh vào đầu năm học mới để thông báo chi tiết.
- Về cam kết chất lượng, chất lượng giáo dục thực tế, các điều kiện đảm bảo chất lượng, thu chi tài chính đăng tải và niêm yết thông báo.

- Riêng dự toán thu chi tài chính 2025 thông báo và đăng tải ngay sau khi có quyết định phân bổ ngân sách 2025 của UBND thành phố Hải Phòng.

- Các năm về sau vẫn thực hiện theo hình thức và thời gian, thời điểm như năm học trước.

Trên đây là báo cáo thường niên về công khai năm học 2024-2025 của Trường THPT Thái Phiên./.

Nơi nhận:

- HĐSP nhà trường;
- Dán bảng công khai;
- Đăng tải Cổng thông tin điện tử;
- Lưu: Kế toán, VT.



Hoàng Anh Tuấn